

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-01-2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà:* Bà Lưu Thị Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Châu Thanh Nguyên
- Bà Lê Huỳnh Ngọc Lý

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Văn Trường là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn:** Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 123 ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Cao Thị R, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ E, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

2. *Bị đơn:* Lê Hoàng X, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ G, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn ly hôn 16/8/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Coa Thị R1 trình bày:*

Giữa bà R1 và ông X có thời gian quen biết tìm hiểu nhau trước tổ chức lễ cưới, có tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2014 tại UBND xã C. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có

tiếng nói chung, đôi bên đã ly thân từ tháng 02/2023 đến nay chưa về chung sống lại. Bà R1 không còn tình cảm kiên quyết ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Hoàng X vắng mặt suốt quá trình tố tụng không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý và lập hồ sơ vụ án; xác định tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 68, 97, 204 Bộ luật tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trình tự lập hồ sơ, việc giao nhận văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy bà R1 và ông X trên cơ sở, quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng trong tình cảm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống luôn căng thẳng; bà R1 kiên quyết ly hôn, ông X vắng mặt không tạo điều kiện tiến hành hoà giải, hiện tại các bên đã ly thân, do đó nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16 tháng 8 năm 2024 bà Cao Thị R có đơn yêu cầu ly hôn với Lê Hoàng X, ông X cư trú tại tổ G, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 31/12/2024 bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2024/QĐST-HNGĐ

ngày 31/12/2024 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa bà R và ông X có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C vào năm 2014 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến giữa năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, bà R và ông X đã ly thân từ năm 2023 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà R và ông X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà R yêu cầu ly hôn, ông X vắng mặt suốt quá trình tố tụng không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm về chung sống lại và 02 bên đã có khoản thời gian ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay chưa về chung sống lại. Do bà R không còn tình cảm nên không chủ động về chung sống với ông X cố tình tránh né, không gặp mặt liên lạc với bà R tìm cách hàn gắn tình cảm mà lại bỏ mặc nhau tự sống, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó cho thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà R và ông X đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà R là có căn cứ.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Cao Thị R phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị R. Bà Cao Thị R được ly hôn với ông Lê Hoàng X.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 19/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn C), huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Cao Thị R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012780 ngày 21-10-2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Cao Thị R đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Cô Tô; -  
Lưu hồ sơ.

**T**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hùng**



